

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2021/HS-ST**
Ngày 18 – 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lợi;
2. Bà Lâm Thị Ngọc Giàu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Phan Văn M, sinh ngày 19/9/1994 tại An Phú, An Giang; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn O, sinh năm 1970 và Nguyễn Thị B, sinh năm 1972; anh, chị, em ruột có 03 người, bị cáo là người lớn nhất; vợ tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1997; có 02 con cùng sinh năm 2019.

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, đi học đến lớp 5 nghỉ học, sống bằng nghề làm thuê cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2021 cho đến nay;

Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

Ông Lý Thanh H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp A, xã KA, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp K, xã KA, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

2. Ông Phan Văn M1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

3. Ông Trần Hiếu N, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp Q, xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

- *Người làm chứng:*

Trương Văn U', sinh năm 1969

Tại phiên tòa, bị hại; người có quyền lợi, N vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 16/4/2021, Phan Văn M điều khiển xe mô tô biển số 67K1 – 349.16 chở theo vợ là Nguyễn Thị Thùy T và 02 con đi từ ấp Khánh Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú đến nhà cha ruột là ông Phan Văn Oanh ngụ ấp Tân Thạnh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú để chơi.

Khi đến nơi, M kêu vợ và 02 con vào nhà cha ruột, còn M thì quay xe về nhà tại xã Khánh An. Trên đường về đến nhà ông Lý Thanh H ngụ ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú, M dừng xe và đứng trước sân kêu ông H đi cà phê, nhưng không có ai trả lời. Lúc này, M đi vào nhà ông H thì phát hiện trên vách buồng ngủ có 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 – 4GB, màu xanh đang cắm sạc pin nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. M lấy điện thoại OPPO A12 bỏ vào túi quần rồi đi ra điều khiển xe về nhà.

Sau khi phát hiện điện thoại bị mất, ông H mở camera gia đình để kiểm tra thì thấy M là người đột nhập vào nhà nên đến Công an xã Khánh An trình báo. Công an xã mời M về trụ sở làm việc thì M thừa nhận và điện kêu T lấy điện thoại giao nộp trả lại cho ông H.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 21 ngày 20/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A12 - 4GB, màu xanh, số IMEI: 86507304459/338 (đã qua sử dụng) trị giá là 3.413.000 đồng.

Ngày 22/4/2021, Phan Văn M bị khởi tố điều tra.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Điều tra đã cho ông H nhận lại điện thoại bị M chiếm đoạt.

Cáo trạng số 37/VKS-HS.AP ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Phan Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Mục đích M chiếm đoạt điện thoại của ông H là để sử dụng. Xe mô tô biển kiểm soát 67K1-349.16 là của em ruột bị cáo M tên Phan Văn M1 cho bị cáo mượn sử dụng từ tháng 4/2021 để làm phương tiện đi lại. Bị cáo có yêu cầu xin nhận lại xe trả cho M1; không yêu cầu nhận lại nón bảo hiểm, quần, áo Cơ quan Điều tra thu giữ trong giai đoạn điều tra.

Trong lời luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại trong giai đoạn điều tra, nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại xe mô tô biển kiểm soát 67K1-349.16 cho ông Phan Văn M1; tịch thu tiêu hủy nón bảo hiểm, quần, áo thu giữ của bị cáo.

Bị cáo M không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về lo cho vợ và các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng trong vụ án, nhưng tại phiên tòa, tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đều vắng mặt

không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, N vụ liên quan, người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/4/2021 của Công an huyện An Phú và các vật chứng thu giữ; căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 21/KL.ĐGTSTTHS ngày 20/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 16/4/2021, Phan Văn M đã có hành vi vào nhà của ông Lý Thanh H ngụ ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12-4GB, màu xanh có giá trị 3.413.000 đồng của ông Lý Thanh H. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, vì mục đích vụ lợi. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Xác định Cáo trạng số 37/CT-VKSP-HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Phan Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật đều bị nghiêm trị. Động cơ phạm tội của bị cáo là muốn có được điện thoại để sử dụng, nguyên nhân là bị cáo thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức; nảy sinh lòng tham khi tài sản không người trông giữ. Hành vi phạm tội của bị cáo chẳng những vi phạm pháp luật hình sự mà còn vi phạm về mặt đạo đức. Do đó cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm áp dụng đối với bị cáo để phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3] Về hình phạt: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện giao nộp điện thoại trả lại cho bị hại. Bị hại có đơn xin không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo. Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, nhất thời phạm tội; có 2 con còn nhỏ, là lao động chính, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn khung hình phạt được áp dụng. Xét thấy, trên 04 tháng bị tạm giam cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, xét nên không cần thiết tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được hòa nhập cộng đồng, tự tu dưỡng, lao động nuôi sống bản thân và lo cho gia đình.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét bị cáo thuộc thành phần lao động, mới phạm tội lần đầu, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lý Thanh H đã nhận lại tài sản bị mất trộm là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12-4GB và không có yêu cầu gì khác nên không đề cập giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng còn lại trong vụ án, gồm: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 67K1-349.16, 01 (một) nón bảo hiểm, 01 (một) áo thun, 01 (một) quần dài. Được xử lý như sau:

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 67K1-349.16 xác định được là của ông Phan Văn M1 mua lại của ông Trần Hiếu N (chủ Dịch vụ cầm đồ Tín N) vào ngày 07/02/2021 nhưng chưa sang tên. Ông M1 cho bị cáo M mượn sử dụng từ tháng 4/2021. Việc bị cáo sử dụng xe đến nhà ông H rồi lén lút chiếm đoạt điện thoại của ông H ông M1 không biết. Do đó trả lại xe cho ông M1. Ông M1 cần thực hiện thủ tục mua bán, trước bạ sang tên theo quy định của pháp luật.

- Đối với nón bảo hiểm màu xanh, áo thun màu trắng, quần dài màu đen, Cơ quan điều tra thu giữ sử dụng nhận diện, thu thập chứng cứ trong quá trình điều tra. Tất cả các vật chứng này được xác định là của bị cáo, bị cáo không yêu cầu nhận lại. Xét các vật chứng này cũng không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Văn M 04 (bốn) tháng 02 (hai) ngày tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/4/2021 (*mười sáu tháng tư năm hai nghìn không trăm hai mươi một*).

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội nào khác.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, 01 (một) áo thun màu trắng, 01 (một) quần dài màu đen của bị cáo Phan Văn M.

- Tuyên trả lại cho ông Phan Văn M 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vison, màu trắng, biển kiểm soát 67K1-349.16.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú)

4. Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Án tuyên công khai có mặt bị cáo Phan Văn M. Thời hạn kháng cáo của bị cáo M là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2021).

Thời hạn kháng cáo của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- NTG Công an huyện An Phú (1);
- THA DS huyện An Phú (1);
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người liên quan (3);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu

